

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS – PT

Ngày: 17 – 01 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Lượng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 174/2017/TLPT – HS ngày 13 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Ngô Thị N do có kháng cáo của bị cáo N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2017/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Ngô Thị N, sinh năm 1974; nơi cư trú: Khu D, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1944 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1949; có chồng là Nguyễn Anh C, sinh năm 1972 và 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 18/01/2017 đến ngày 20/01/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

Trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Thị T, Ngô Thị T, Lê Thị D, Ngô Mạnh Đ, Ngô Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình B, chị Nguyễn Thị H do không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nguyễn Thị T là giám đốc Công ty TNHH SX và DV TM P (gọi tắt là công ty P). Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2015 đến hết tháng 9/2016, T đã xuất bán không 351 hóa đơn của Công ty P trị giá 187.208.109.620 đồng tiền hàng, tương ứng 18.720.810.962 đồng tiền thuế với giá 3,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và mua vào 315 hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt GTGT) không trị giá 183.525.073.574 đồng tiền hàng, tương ứng 18.352.507.357 đồng tiền thuế, với giá 3% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Số tiền T hưởng lợi là 221.113.284 đồng. Ngoài ra, T còn giúp sức Ngô Thị T thực hiện hoạt động mua, bán trái phép hóa đơn của công ty Q với số lượng bán ra là 197 hóa đơn GTGT không trị giá 92.455.719.250 đồng tiền hàng, tương ứng 9.245.571.925 đồng tiền thuế và mua vào toàn bộ 431 hóa đơn GTGT trị giá 231.208.322.798 đồng tiền hàng, tương ứng 23.120.832.279 đồng tiền thuế.

2. Ngô Thị T là giám đốc Công ty TNHH SXTM và VT Q (gọi tắt là công ty Q). Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến hết tháng 9/2016, T đã xuất bán không 489 hóa đơn GTGT không của công ty Q và Công ty cổ phần giấy B (gọi tắt là công ty B) không có hàng với giá 3,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, trị giá 233.917.569.271 đồng tiền hàng, 23.391.756.927 đồng tiền thuế và mua vào 431 hóa đơn GTGT, trị giá 231.208.322.798 đồng tiền hàng, tương ứng 23.120.832.279 đồng, với giá 3% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, hưởng lợi bất chính 234.197.253 đồng.

3. Ngô Thị N là giám đốc Công ty cổ phần giấy Th (gọi tắt là công ty Th). Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến hết tháng 01/2016, N thực hiện mua không 154 hóa đơn đầu vào của công ty Q và P trị giá 91.492.418.600 đồng tiền hàng, tương ứng 9.149.241.860 đồng tiền thuế với giá 3,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và xuất bán không 147 hóa đơn của công ty Th trị giá 91.496.504.024 đồng tiền hàng, tương ứng 9.149.650.402 đồng tiền thuế với giá 3,3% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, hưởng lợi bất chính 183.119.656 đồng.

4. Lê Thị D: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2016 đến hết tháng 9/2016, D là trung gian trong việc mua 99 hoá đơn GTGT không có tổng giá trị tiền hàng là 50.039.544.160 đồng, tương ứng 5.003.954.441 đồng tiền thuế không với giá 2,9% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn của đối tượng tại Hà Nội để bán cho Nguyễn Thị T, Ngô Thị T với giá 3% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, hưởng lợi bất chính 50.039.544 đồng.

5. Ngô Mạnh Đ là giám đốc công ty TNHH TM và SXKD T (gọi tắt là công ty T). Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến hết tháng 01/2016, Đ đã

mua khổng 32 hóa đơn GTGT của Công ty Q trị giá 24.101.181.000 đồng tiền hàng, tương ứng 2.410.118.100 đồng tiền thuế với giá 3,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và bán ra 74 hóa đơn GTGT của công ty T cho 5 công ty trị giá 24.193.368.500 đồng tiền hàng, 2.419.336.850 đồng tiền thuế với giá 3,2% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, hưởng lợi bất chính 27.051.181 đồng.

6. Ngô Thị T1: Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của công ty SXTM và DV P (gọi tắt là công ty P), từ tháng 4/2015 đến hết tháng 8/2016, T1 thực hiện mua khổng 18 hóa đơn GTGT của Công ty P và Q trị giá 10.168.724.850 đồng tiền hàng, tương ứng 1.016.872.485 đồng tiền thuế với giá 3,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và bán ra 21 hóa đơn GTGT khổng cho 3 công ty trị giá 10.278.365.600 đồng tiền hàng, 1.027.836.560 đồng tiền thuế, với giá 3,2% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, hưởng lợi bất chính 13.677.229 đồng.

Với nội dung trên, bản án số 01/2017/HS-ST ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Ngô Thị T, Lê Thị D, Ngô Mạnh Đ, Ngô Thị T1, Ngô Thị N phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng các điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 164a; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 60; Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị N 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 40.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với các bị cáo khác, tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2017, bị cáo Ngô Thị N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền thay hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ngô Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Hiện do bị cáo có bệnh nặng, thường xuyên phải đi chữa bệnh ở nước ngoài. Mặt khác bị cáo đã nhận thức hành vi vi phạm, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp tiền phạt, do vậy đề nghị HĐXX xem xét chiếu cố được hưởng hình phạt tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tội danh, Bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo N là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền

sự; có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp 150.000.000đ trong quá trình chờ xét xử phúc thẩm, do vậy đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy, bị cáo là người có bệnh phải đi điều trị và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, theo tại khoản 2 Điều 203 BLHS 2015 quy định hình phạt tiền, hình phạt nhẹ hơn khoản 2 Điều 164a BLHS 1999, do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm. Phạt bị cáo N từ 200.000.000đ đến 250.000.000đ về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Bị cáo N không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. HĐXX xét thấy bị cáo đã mua không 154 hóa đơn đầu vào của công ty Q và P trị giá 91.492.418.600 đồng tiền hàng, tương ứng 9.149.241.860 đồng tiền thuế với giá 3,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn và xuất bán không 147 hóa đơn của công ty Th trị giá 91.496.504.024 đồng tiền hàng, tương ứng 9.149.650.402 đồng tiền thuế với giá 3,3% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, hưởng lợi bất chính 183.119.656 đồng. Do vậy Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 164a là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo N: HĐXX nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính trước khi xét xử sơ thẩm. Sau khi xét xử xong bị cáo lại tích cực nộp tiền theo hình phạt bổ sung của Bản án sơ thẩm. Theo khoản 2 Điều 203 BLHS 2015 có hình phạt “từ 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng...”, hình phạt nhẹ hơn so với khoản 2 Điều 164a BLHS 1999. Xét thấy tội phạm bị cáo thực hiện thuộc nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là vi phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, do vậy xử lý bằng biện pháp kinh tế (phạt tiền) là một trong những biện pháp có tính giáo dục cao đối với bị cáo cũng như giảm thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Mặt khác, bị cáo đã nộp 150.000.000 đồng tại giai đoạn phúc thẩm, do vậy cần xác định đây là tình tiết mới để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa Bản án sơ thẩm, phạt bị cáo bằng hình phạt tiền (là hình phạt chính) cũng đủ sức răn đe như ý kiến đề nghị của đại diện VKS là phù hợp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xét.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thị N, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 164a; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật hình sự 1999; nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 35 Bộ luật hình sự 2015; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử phạt: Bị cáo Ngô Thị N 220.000.000 đồng (Hai trăm, hai mươi triệu đồng) về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Xác nhận bị cáo N đã nộp 150.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 000398 ngày 15/01/2018 của Chi cục THADS huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, bị cáo còn phải nộp tiếp 70.000.000 đồng.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Ngô Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 81 – CA tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT; VKS; TAND huyện Tiên Du;
- Bị cáo; đương sự (qua đường công văn);
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nghiêm Thị Lượng